

# PHỤ LỤC 1

## 1. Hình ảnh minh họa cho giải pháp 1

AutoSave ON KINH HOÀNG - chia sẻ với nước ngoài - Competency Mode - Last Modified: 7/12/2021

File Home Insert Draw Design Layout References Mailings Review View MathType Help Foxit PDF Table Design Layout

Undo Clipboard Font Paragraph Styles Editing Voice Editor

Find Replace Select Editing Voice Editor

Emphasis Heading 2 Heading 3

Page 25 of 301 36149 words English (United States) Accessibility: Unavailable

NGUYÊN TỬ

**1. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**  
HS biết được:

- Các chất đều được tạo nên từ các nguyên tử.
- Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ, trung hoà về điện, gồm hạt nhân mang điện tích dương và vỏ nguyên tử là các electron (e) mang điện tích âm.
- Hạt nhân gồm proton (p) mang điện tích dương và neutron (n) không mang điện.
- Trong nguyên tử, số p bằng số e, điện tích của 1p bằng điện tích của 1e về giá trị tuyệt đối nhưng trái dấu, nên nguyên tử trung hoà về điện.  
(Chú ý: có khối lượng phân lớp electron, tên các lớp K, L, M, N)

**2. Kỹ năng:**  
Xác định được số đơn vị điện tích hạt nhân, số p, số e, số lớp e, số e trong mỗi lớp dựa vào sơ đồ cấu tạo nguyên tử của một vài nguyên tố cụ thể (H, C, Cl, Na).

**3. Thái độ:** Yêu thích bộ môn, tinh thần làm việc tập thể

**4. Định hướng hình thành năng lực:**

| Năng lực chung              | Năng lực chuyên biệt                |
|-----------------------------|-------------------------------------|
| - Năng lực phát hiện vấn đề | - Năng lực sử dụng ngôn ngữ hóa học |
| - Năng lực giao tiếp        | - Năng lực thực hành hóa học        |

AutoSave ON KINH HOÀNG - chia sẻ với nước ngoài - Competency Mode - Last Modified: 7/12/2021

File Home Insert Draw Design Layout References Mailings Review View MathType Help Foxit PDF Table Design Layout

Undo Clipboard Font Paragraph Styles Editing Voice Editor

Find Replace Select Editing Voice Editor

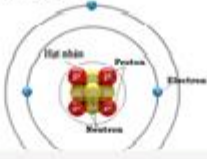
Emphasis Heading 2 Heading 3

Page 26 of 301 36149 words English (United States) Accessibility: Unavailable

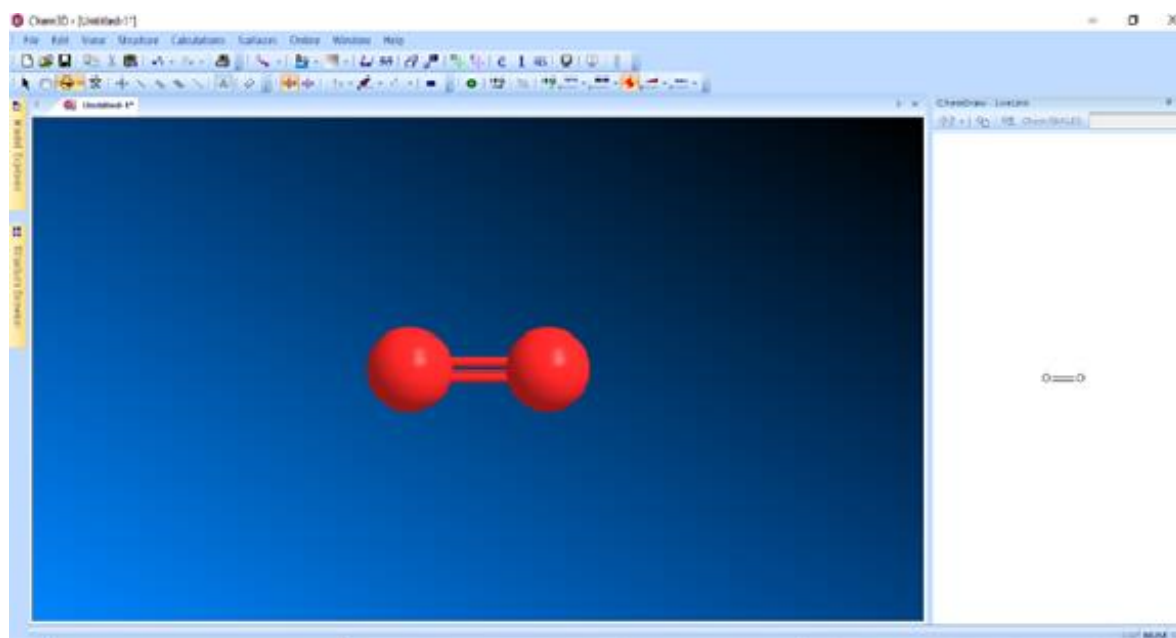
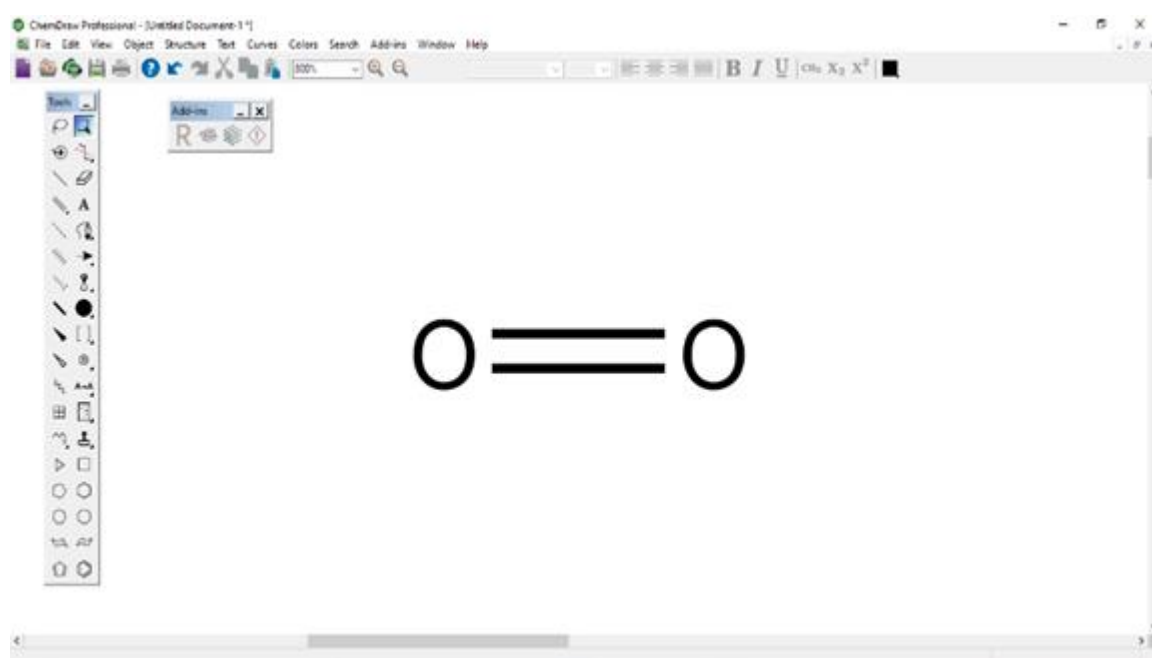
**Hoạt động 5: Tìm tòi, mở rộng**

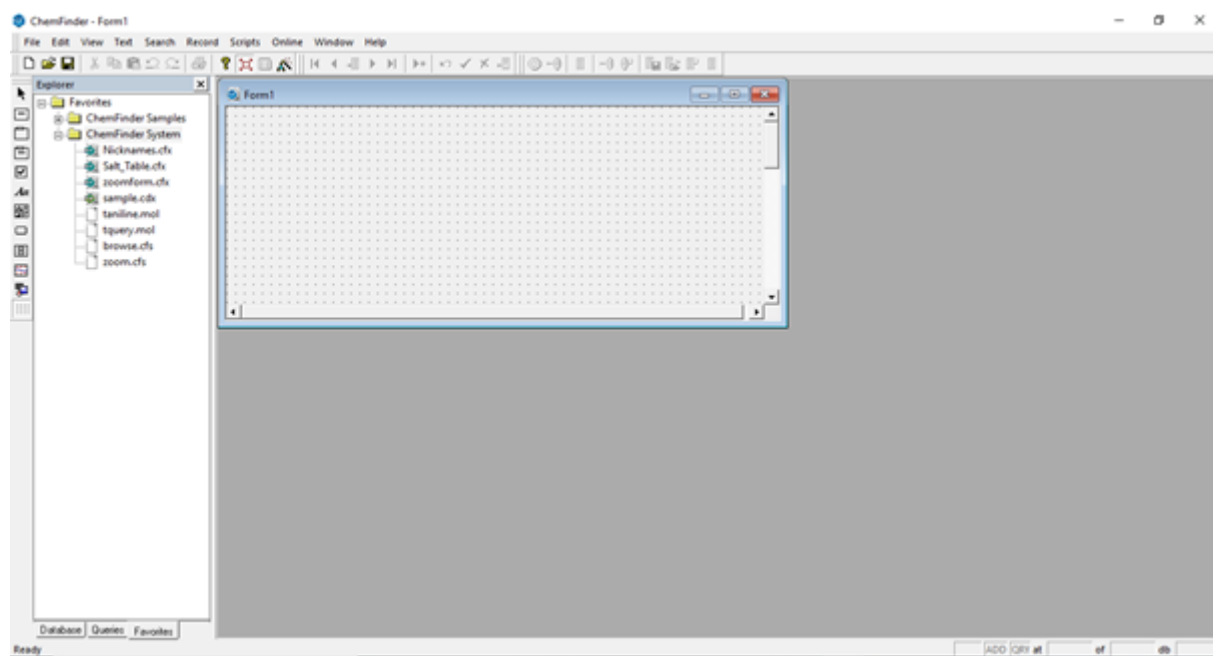
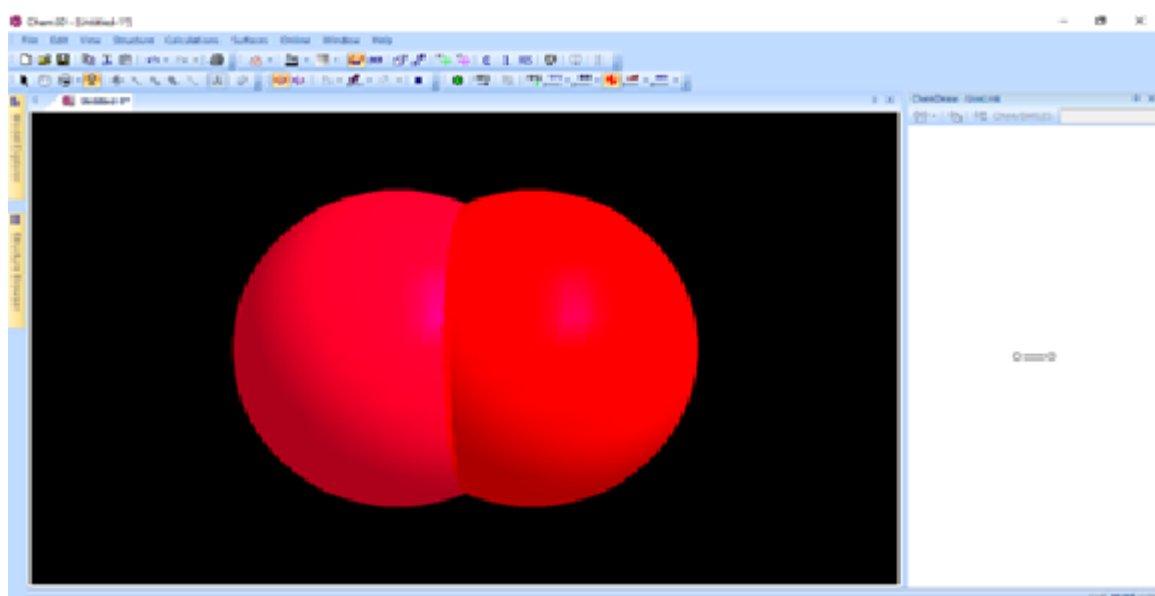
**1. Nguyên tử được tìm ra từ khi nào?**

- Những người Hy Lạp cổ cho rằng vạn vật đều cấu tạo từ các nguyên tử. Thực chất, từ "nguyên tử" bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là không thể chia được. Đó là những "tư tưởng triết học" về thế giới và sự tồn tại. Vào năm 1803 nhà hoá học, toán học người Anh John Dalton là người đầu tiên phát triển lý thuyết khoa học về nguyên tử. Gần 100 năm sau một nhà khoa học khác người Anh tên là Ernest Rutherford đã xây dựng lý thuyết về nguyên tử dựa trên sự miêu tả hệ mặt trời: một hạt nhân ở giữa tích điện dương và bao quanh bởi các electron tích điện âm. Tuy nhiên có một điều kỳ lạ là cho đến nay vẫn chưa có một lời giải thích đầy đủ về nguyên tử.

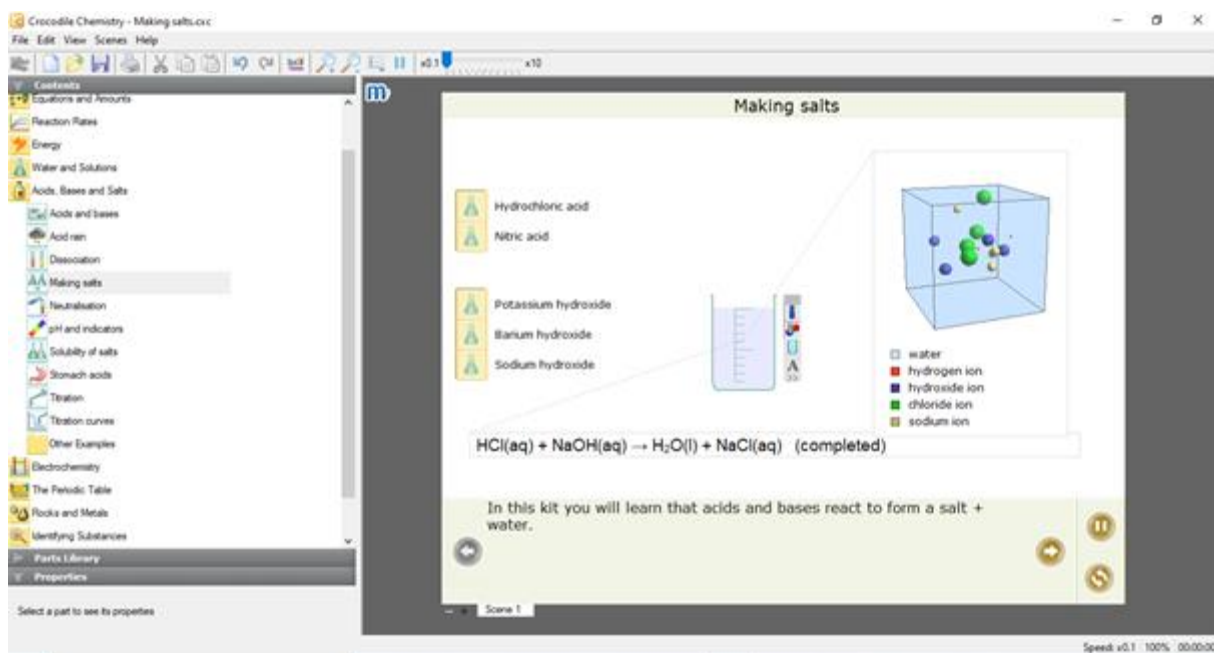
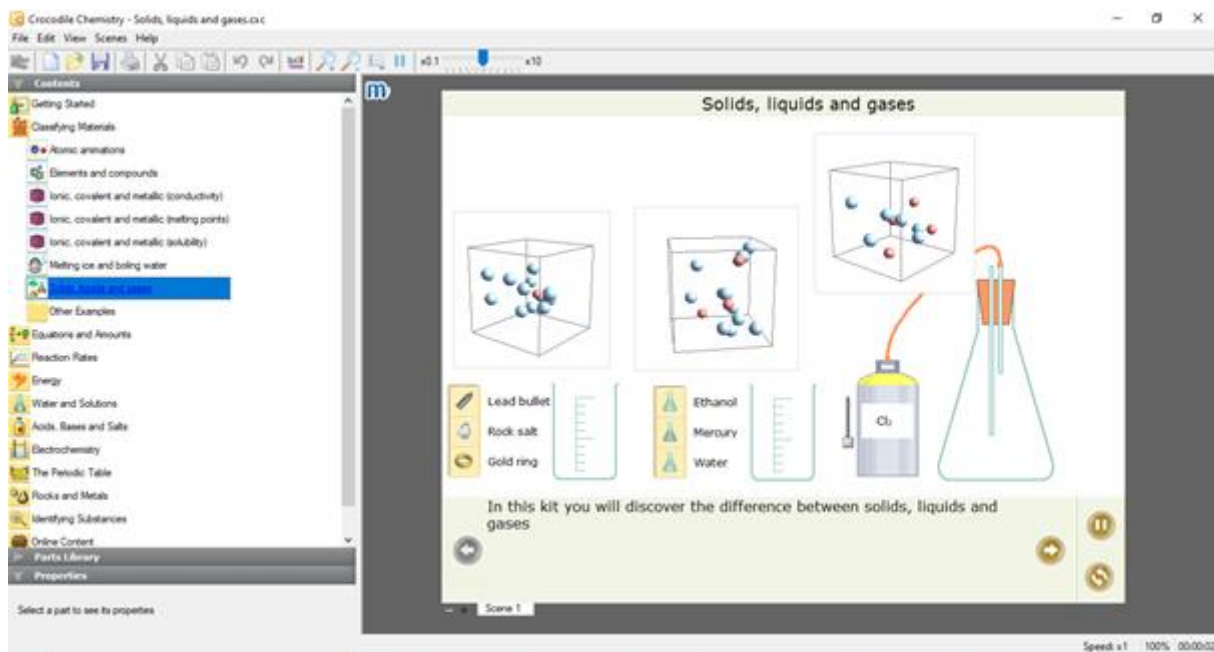


## 2. Hình ảnh minh họa cho giải pháp 2





### 3. Hình ảnh minh họa cho giải pháp 3



## 4. Hình ảnh minh họa cho giải pháp 4

The screenshot shows a presentation slide for the first lesson of Chemistry. The slide is titled "MỞ ĐẦU MÔN HOÁ HỌC (1 tiết)". It includes a section "Hoạt động 1: Hoá học là gì?" and "Thí nghiệm 1:" which shows two experiments. The first experiment, "Thí nghiệm 1:", shows two beakers containing a blue solution, labeled "Lọ đựng dung dịch đồng sunfat và dung dịch xút" and "Ống nghiệm chứa dung dịch đồng sunfat". The second experiment, "Thí nghiệm 2:", shows a test tube containing a blue solution, labeled "Ống nghiệm chứa dung dịch đồng sunfat sau khi thêm xút vào". The slide also includes a caption "Hình 1.1: Dung dịch đồng sunfat phản ứng với dung dịch xút".

The screenshot shows a presentation slide with two experiments. The first experiment, "Thí nghiệm 1:", shows a beaker containing a blue solution, labeled "Lọ đựng dung dịch đồng sunfat và dung dịch xút". The second experiment, "Thí nghiệm 2:", shows a test tube containing a blue solution, labeled "Ống nghiệm chứa dung dịch đồng sunfat sau khi thêm xút vào". The slide also includes a caption "Hình 1.1: Dung dịch đồng sunfat phản ứng với dung dịch xút".

☐ **Thí nghiệm :** Các em xem cô giáo hướng dẫn làm thí nghiệm.

☐ **Quan sát, nhận xét :**

- Photpho cháy mạnh trong khí oxi với ngọn lửa sáng chói, tạo ra khói trắng dày đặc bám vào thành lọ dưới dạng bột tan được trong nước. Bột trắng đó là Điphotpho pentaoxit và có công thức hóa học  $P_2O_5$ .



## 5. Hình ảnh minh họa cho giải pháp 5

**I. HỆ THỐNG TÊN NGUYÊN TỐ, ĐƠN CHẤT**

Với hệ thống tiếng Anh, cả nguyên tố và đơn chất đều được biểu diễn bằng thuật ngữ "element". Tên gọi của nguyên tố và đơn chất theo đó giống nhau.

Ví dụ: Chlorine có thể hiểu là nguyên tố clo (Cl), hoặc cũng có thể hiểu là đơn chất clo (Cl<sub>2</sub>).

| Z | KI HIỆU HÓA HỌC | TÊN GỌI   | PHIÊN ÂM TIẾNG ANH     | DIỄN GIẢI VIỆT HÓA | Ý NGHĨA | GHI CHÚ                                         |
|---|-----------------|-----------|------------------------|--------------------|---------|-------------------------------------------------|
| 1 | H               | Hydrogen  | /ˈhaɪdrədʒən/          | 'hai-drô-zăn       | Hidro   | "dr" là âm kép "đờ-rô", phát âm nhanh.          |
| 2 | He              | Helium    | /ˈhiːliəm/             | 'hít-li-ăm         | Heli    |                                                 |
| 3 | Li              | Lithium   | /ˈliθiəm/              | 'lít-thi-ăm        | Liti    |                                                 |
| 4 | Be              | Beryllium | /bəˈriliəm/            | bô-'ri-li-ăm       | Beri    |                                                 |
| 5 | B               | Boron     | /ˈbɔːrən/<br>/ˈbɔːrən/ | 'bo-roon           | Bo      | Âm "oo" tương tự âm giữa của hai âm "o" và "a". |
| 6 | C               | Carbon    | /ˈkɑːbən/              | 'Ka-băn            | Cacbon  | Âm "k" tương tự âm đứng giữa hai âm "o" và "h". |

## 6. Hình ảnh giải thưởng của học sinh

